Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1507.90.20

Mã HS	1507.90.20
Mô tả hàng hóa	Dầu đậu tương và các phần phân đoạn của dầu đậu tương, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Loại khác: / - - Dầu đậu tương đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	08/11/2026 07:03:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/15079020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1893
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1893
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1893
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	5,4	5,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5,4	5,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1886
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1859
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1859
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1859
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1859
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1859
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1859
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E1889
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1889

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1889
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1889
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1889
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1889
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E1891
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F1891
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1891
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1891
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1891
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1891
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1893
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1861
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1861
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1861
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1861
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1861
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1861
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1861
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1859
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1859
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1859
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1859
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1859
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1859
VCFTA	2022	2022	4	VC!D1900
VCFTA	2023	2023	2	VC!E1900

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1900
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1900
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1900
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1900
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1899
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1899
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1899
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1899
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1899
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1899
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D1905
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E1905
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F1905
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G1905
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H1905
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1905
EVFTA	2022	2022	10,9	EV-NK!D1862
EVFTA	2023	2023	9,5	EV-NK!E1862
EVFTA	2024	2024	8,1	EV-NK!F1862
EVFTA	2025	2025	6,8	EV-NK!G1862
EVFTA	2026	2026	5,4	EV-NK!H1862
EVFTA	2027	2027	4	EV-NK!I1862
UKVFTA	2022	2022	10,9	UKV!D1864
UKVFTA	2023	2023	9,5	UKV!E1864
UKVFTA	2024	2024	8,1	UKV!F1864
UKVFTA	2025	2025	6,8	UKV!G1864

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	5,4	UKV!H1864
UKVFTA	2027	2027	4	UKV!I1864
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	6,4	CPTPP!D1864
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	4,2	CPTPP!E1864
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	2,1	CPTPP!F1864
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1864
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1864
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1864
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1864
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D1891
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E1891
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F1891
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G1891
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H1891
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I1891
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D1891
RCEP B	2023	2023	12	B!E1891
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F1891
RCEP B	2025	2025	9	B!G1891
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H1891
RCEP B	2027	2027	6	B!I1891
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D1891
RCEP C	2023	2023	12	C!E1891
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F1891
RCEP C	2025	2025	9	C!G1891
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H1891

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	6	C!I1891
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D1891
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E1891
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F1891
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G1891
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H1891
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I1891
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D1894
RCEP E	2023	2023	12	E!E1894
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F1894
RCEP E	2025	2025	9	E!G1894
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H1894
RCEP E	2027	2027	6	E!I1894
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D1891
RCEP F	2023	2023	12	F!E1891
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F1891
RCEP F	2025	2025	9	F!G1891
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H1891
RCEP F	2027	2027	6	F!I1891
VIFTA	2024	2024	12	VI!F1754
VIFTA	2025	2025	9	VI!G1754
VIFTA	2026	2026	6	VI!H1754
VIFTA	2027	2027	3	VI!I1754

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1507.90 có 3 dòng thuế; dòng 1507.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dầu đậu tương đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD).	1507.90.10 Các phần phân đoạn của dầu đậu tương chưa tinh chế; 1507.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 1507.90.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 1507.90.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1507.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 1507.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1893), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.